

CÔNG VĂN ĐẾN
Ngày: 16.4.25
Vào sổ số: 515
Chuyển đơn vị: **BỘ XÂY DỰNG**

123.123.123

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2047 /BXD-KHCNMT&VLXD

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2025

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp bảo vệ môi trường

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các đơn vị, tổ chức ngoài Bộ (qua Công thông tin điện tử của Bộ Xây dựng) .

Để bảo đảm tiến độ, chất lượng xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN), sự nghiệp kinh tế (SNKT) và sự nghiệp bảo vệ môi trường (SNMT), Bộ Xây dựng hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN, SNKT và sự nghiệp SNMT năm 2026 như sau:

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng nhiệm vụ KH&CN

- Các nhiệm vụ đề xuất cần bám sát các nội dung chỉ đạo tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Ưu tiên các nhiệm vụ phục vụ công tác xây dựng văn bản pháp luật, nghị định, thông tư của Bộ; các nhiệm vụ do Đảng, Quốc hội và Chính phủ giao.

- Các nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn; đơn giá định mức của ngành xây dựng và giao thông vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Các nhiệm vụ để giải quyết ngay các vấn đề lớn, tháo gỡ điểm nghẽn, vướng mắc phát sinh từ công tác quản lý ngành như: xây dựng đường sắt tốc độ cao, nhà máy điện hạt nhân, nhà ở xã hội, ...

- Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển công nghệ mới, vật liệu mới, bám sát chiến lược KH&CN ngành xây dựng và giao thông vận tải như: vật liệu tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh, vật liệu chịu lửa, ứng dụng vật liệu tái chế, ứng dụng cát biển,...; các nhóm nhiệm vụ về an toàn cháy cho nhà và công trình;

ứng dụng công nghệ giao thông thông minh; và các nhóm nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi số; nhóm nhiệm vụ về quy hoạch, phát triển đô thị thông minh.

2. Hồ sơ đăng ký đề xuất nhiệm vụ KH&CN

- Các phiếu đề xuất đăng ký nhiệm vụ và bảng tổng hợp đề xuất theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KINH TẾ

1. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng nhiệm vụ SNKT

- Các nhiệm vụ phục vụ xây dựng chiến lược, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ; các nhiệm vụ do Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng.

- Các nhiệm vụ điều tra, khảo sát, đề xuất việc xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Nhiệm vụ về thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Nhiệm vụ triển khai thực hiện các Đề án, Chương trình quốc gia, Chương trình mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

- Các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền giao.

2. Hồ sơ đăng ký đề xuất nhiệm vụ SNKT

- Các phiếu đề xuất đăng ký nhiệm vụ và bảng tổng hợp đề xuất theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn này.

III. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng nhiệm vụ SNMT

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách; triển khai trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững được giao trong văn bản của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các nghị quyết, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch, chiến lược của cấp có thẩm quyền giao và nội dung liên quan tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng.

- Xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

- Hướng dẫn thực hiện hoạt động quản lý, phòng ngừa, kiểm tra, giám sát, xử lý các nguồn thải: khí thải, bụi, chất thải rắn, nước thải và các tác nhân gây tiếng ồn, độ rung. Hướng dẫn và xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải; các hoạt động chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Triển khai các nhiệm vụ về thích ứng với biến đổi khí hậu (xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; tiêu chí đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu...), giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tổ chức kiểm kê khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon trong nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ và thực hiện các hoạt động kiểm tra, phổ biến, tuyên truyền pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định.

2. Hồ sơ đăng ký đề xuất nhiệm vụ SNMT

- Hồ sơ theo mẫu đề cương, dự toán nhiệm vụ theo Phụ lục 3 kèm theo Công văn này.

IV. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đăng ký đề xuất xây dựng nhiệm vụ KH&CN, SNKT và SNMT kế hoạch năm 2026 kèm theo các hồ sơ liên quan theo yêu cầu tại Công văn này về Bộ Xây dựng (qua Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng) **trước ngày 30/4/2025** để tổng hợp, triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Tổng hợp danh mục các Chương trình, Kế hoạch, Chiến lược, Quyết định, Chỉ thị của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bộ Xây dựng liên quan đến ngành Xây dựng được trình bày tại Phụ lục 4 kèm theo Công văn này.

Công văn hướng dẫn được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng: <http://www.moc.gov.vn>.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD(N.X.Hiến).

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHCNMT&VLXD**



Lê Trung Thành



PHIẾU CÁC BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT VÀ TỔNG HỢP DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA BỘ XÂY DỰNG

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

(Dùng cho đề tài khoa học và công nghệ)

1. Tên nhiệm vụ:
2. Căn cứ đề xuất:
3. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)*
4. Mục tiêu:
5. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
6. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
7. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
8. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
9. Danh mục tài liệu tham khảo: (Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)
10. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ
(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)

1. Tên dự án SXTN:
2. Loại hình nhiệm vụ:
 - Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có). ☐
 - Độc lập. ☐
3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: (Giải trình căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này)
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: (Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)
5. Mục tiêu:
6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
7. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:\
9. Dự kiến hiệu quả mang lại:
10. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
11. Xuất xứ hình thành: (Cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài khoa học và công nghệ; Kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả chuyển giao công nghệ)
12. Nhu cầu thị trường: (Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm)
13. Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: (Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất)
14. Danh mục tài liệu tham khảo: (Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)
15. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ
(dùng cho đề án khoa học)

1. Tên đề án:
2. Loại hình nhiệm vụ:
 - Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có). ☐
 - Độc lập. ☐
3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ:
4. Tính cấp thiết của Đề án khoa học: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng áp dụng vào thực tế)*
5. Mục tiêu:
6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
7. Dự kiến kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
9. Dự kiến hiệu quả mang lại:
10. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
11. Danh mục tài liệu tham khảo: (Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)
12. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4.*

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

[illegible]

PHỤ LỤC 2. CÁC BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT VÀ TỔNG HỢP DANH MỤC NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KINH TẾ CỦA BỘ XÂY DỰNG

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KINH TẾ CẤP BỘ

1. Tên nhiệm vụ:
2. Loại hình nhiệm vụ (*nhiệm vụ thuộc sự nghiệp kinh tế*):
3. Cơ sở pháp lý đề xuất nhiệm vụ:
4. Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ:
5. Mục tiêu của nhiệm vụ:
6. Nội dung chính:
7. Phạm vi thực hiện:
8. Dự kiến sản phẩm:
9. Dự kiến thời gian thực hiện (*thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc*)
10. Khả năng và địa chỉ ứng dụng:
11. Khái toán kinh phí:

..., ngày ... tháng... năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3. CÁC BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT VÀ TỔNG HỢP DANH MỤC NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA BỘ XÂY DỰNG

ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ		
3. Quản lý nhiệm vụ		
3.1. Cơ quan quản lý		
Tên cơ quan quản lý: Bộ Xây dựng Địa chỉ:		
3.2. Cơ quan chủ trì		
Tên cơ quan: Điện thoại: Fax: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng cơ quan: Số tài khoản: Ngân hàng:		
3.3. Chủ nhiệm nhiệm vụ		
Họ và tên: Học hàm/Học vị: Chức vụ: Điện thoại: Cơ quan: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail: Tên cơ quan đang công tác: Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ nhà riêng:		
3.4. Tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện		
T T	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ
1		
2		
...		
4. Thời gian thực hiện		

Từ tháng .../20...đến tháng ... /20...	
5. Kinh phí thực hiện	
Tổng kinh phí: ... triệu đồng, trong đó:	
Nguồn	Tổng số (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn tự có của cơ quan chủ trì	
- Từ nguồn khác	
6. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện	
6.1. Căn cứ pháp lý (nêu các văn bản pháp lý liên quan đến nhiệm vụ)	
6.2. Sự cần thiết phải thực hiện (nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong và ngoài nước: thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực thực hiện; nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của nhiệm vụ,...)	
7. Mục tiêu	
8. Phạm vi, quy mô	
9. Địa điểm thực hiện	
10. Phương pháp thực hiện	

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

11. Nội dung thực hiện (liệt kê những nội dung trọng tâm để thực hiện mục tiêu của nhiệm vụ, nêu bật những nội dung mới để giải quyết vấn đề đặt ra, thống kê chi tiết nhân lực thực hiện từng hạng mục nội dung,...)				
12. Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)				
TT	Nội dung (Phần công việc thực hiện)	Thời gian		Sản phẩm phải đạt
		Bắt đầu	Kết thúc	
1.	Lập nhiệm vụ			
2.	Nội dung trọng tâm (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)			
...	...			
...				
13. Dự kiến kết quả sản phẩm, địa chỉ bàn giao sử dụng				
TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ bàn giao sử dụng		
1				

2		
...		

CHI TIẾT NỘI DUNG THỰC HIỆN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện theo quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Ghi chú:

(1) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường có nội dung mua sắm vật tư, nguyên liệu, thiết bị để sản xuất thí điểm/ứng dụng thử nghiệm... thì phải nêu rõ các tiêu chí/ thông số/ yêu cầu kỹ thuật của vật tư, nguyên liệu, thiết bị.

(2) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các nguồn khác, cơ quan chủ trì phải phân khai cụ thể các hạng mục, nội dung chi và dự toán cho từng nguồn tương ứng, bảo đảm đúng quy định hiện hành về tài chính (Bộ Xây dựng chỉ phê duyệt chi tiết dự toán đối với nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ quản lý).

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Căn cứ, cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ quan, đơn vị đề xuất	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
1										
2										
...										
	Tổng cộng									

Lưu ý: Việc dự kiến kinh phí thực hiện căn cứ theo quy định của Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Thông tư số 31/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành có liên quan.

PHỤ LỤC 4. DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN/KẾ HOẠCH/NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH XÂY DỰNG

TT	Số hiệu văn bản	Tên Chương trình/Đề án/Dự án/Kế hoạch/Nhiệm vụ
1.	57-NQ/TW ngày 22/12/ 2024	Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
2.	71-NQ/CP ngày 01/4/2025	Nghị quyết của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
3.		Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị– và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
4.	1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009	Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050
5.	1874/QĐ-TTg ngày 11/10/2010	Định hướng phát triển chiếu sáng đến năm 2025
6.	589/QĐ-TTg ngày 6/4/2016	Điều chỉnh định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050
7.	1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050
8.	450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022	Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
9.	1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024	Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật)
10.	06/NQ-CP ngày 21/01/2021	Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị
11.	795/QĐ-TTg ngày 11/5/2016	Kế hoạch thực hiện các Phụ lục II, IV, V và VI của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra
12.	84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018	Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh (TTX) Việt Nam đến năm 2030
13.	876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022	Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải
14.	222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025	Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035
15.	882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022	Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030
16.	888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022	Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH
17.	896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022	Chiến lược Quốc gia về ứng phó với BĐKH đến năm 2050
18.	942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022	Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê–tan đến năm 2030

19.	232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025	Đề án Thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam
20.	41/CT-TTg ngày 01/12/2020	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn
21.	03/CT-TTg ngày 18/01/2021	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí
22.	1679/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2023	Kế hoạch của Bộ GTVT thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành GTVT
23.	766/QĐ-BXD ngày 24/07/2023	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.
24.	143/QĐ-BXD ngày 08/03/2023	Kế hoạch của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị
25.	891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
26.	1052/QĐ-BXD ngày 15/11/2022	Về việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.
27.	385/QĐ-BXD ngày 12/5/2022	Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công Ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26)
28.	967/QĐ-BXD ngày 24/7/2020	Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng giai đoạn 2020 - 2030
29.	390/QĐ-BXD ngày 12/5/2022	Định hướng và Kế hoạch biên soạn, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ngành Xây dựng đến năm 2030
30.	802/QĐ-BXD ngày 26/7/2017	Kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong công nghiệp sản xuất xi măng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
31.	820/QĐ-BXD ngày 19/6/2018	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030”
32.	1052/QĐ-BXD ngày 15/11/2022	Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
33.	1627/QĐ-BXD ngày 27/12/2018	Kế hoạch của Bộ Xây dựng triển khai thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030

34.	1717/QĐ-BXD ngày 28/12/2018	Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4
35.	950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018	Đề án "Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030"
36.	280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019	Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả Giai đoạn 2019-2030
37.	1004/QĐ-BXD ngày 31/7/2020	Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030
38.	1677/QĐ-BXD ngày 30/12/2020	Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030 của Bộ Xây dựng
39.	60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các thông tư hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính
40.	11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014	Nghị định của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ
41.	95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014	Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ
42.	804/QĐ-BXD ngày 30/6/2021	Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
43.	06-NQ/TW ngày 24/01/2022	Nghị quyết của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
44.	1463/QĐ-BXD ngày 30/12/2022	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV đối với lĩnh vực Xây dựng
45.	1009/QĐ-TTg ngày 31/8/2023	Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng
46.	11/QĐ-BXD ngày 11/01/2023	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành Xây dựng đến năm 2030
47.	143/QĐ-BXD ngày 08/03/2023	Kế hoạch của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị
48.	179/QĐ-TTg ngày 16/02/2024	Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045

Số: 2047 /BXD-KHCNMT&VLXD

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2025

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp bảo vệ môi trường

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các đơn vị, tổ chức ngoài Bộ (qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng) .

Để bảo đảm tiến độ, chất lượng xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN), sự nghiệp kinh tế (SNKT) và sự nghiệp bảo vệ môi trường (SNMT), Bộ Xây dựng hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN, SNKT và sự nghiệp SNMT năm 2026 như sau:

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng nhiệm vụ KH&CN

- Các nhiệm vụ đề xuất cần bám sát các nội dung chỉ đạo tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Ưu tiên các nhiệm vụ phục vụ công tác xây dựng văn bản pháp luật, nghị định, thông tư của Bộ; các nhiệm vụ do Đảng, Quốc hội và Chính phủ giao.

- Các nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn; đơn giá định mức của ngành xây dựng và giao thông vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Các nhiệm vụ để giải quyết ngay các vấn đề lớn, tháo gỡ điểm nghẽn, vướng mắc phát sinh từ công tác quản lý ngành như: xây dựng đường sắt tốc độ cao, nhà máy điện hạt nhân, nhà ở xã hội, ...

- Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển công nghệ mới, vật liệu mới, bám sát chiến lược KH&CN ngành xây dựng và giao thông vận tải như: vật liệu tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh, vật liệu chịu lửa, ứng dụng vật liệu tái chế, ứng dụng cát biển,...; các nhóm nhiệm vụ về an toàn cháy cho nhà và công trình;

ứng dụng công nghệ giao thông thông minh; và các nhóm nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi số; nhóm nhiệm vụ về quy hoạch, phát triển đô thị thông minh.

2. Hồ sơ đăng ký đề xuất nhiệm vụ KH&CN

- Các phiếu đề xuất đăng ký nhiệm vụ và bảng tổng hợp đề xuất theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KINH TẾ

1. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng nhiệm vụ SNKT

- Các nhiệm vụ phục vụ xây dựng chiến lược, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ; các nhiệm vụ do Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng.

- Các nhiệm vụ điều tra, khảo sát, đề xuất việc xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Nhiệm vụ về thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Nhiệm vụ triển khai thực hiện các Đề án, Chương trình quốc gia, Chương trình mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

- Các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền giao.

2. Hồ sơ đăng ký đề xuất nhiệm vụ SNKT

- Các phiếu đề xuất đăng ký nhiệm vụ và bảng tổng hợp đề xuất theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn này.

III. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng nhiệm vụ SNMT

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách; triển khai trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững được giao trong văn bản của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các nghị quyết, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch, chiến lược của cấp có thẩm quyền giao và nội dung liên quan tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng.

- Xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

- Hướng dẫn thực hiện hoạt động quản lý, phòng ngừa, kiểm tra, giám sát, xử lý các nguồn thải: khí thải, bụi, chất thải rắn, nước thải và các tác nhân gây tiếng ồn, độ rung. Hướng dẫn và xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải; các hoạt động chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Triển khai các nhiệm vụ về thích ứng với biến đổi khí hậu (xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; tiêu chí đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu...), giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tổ chức kiểm kê khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon trong nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ và thực hiện các hoạt động kiểm tra, phổ biến, tuyên truyền pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định.

2. Hồ sơ đăng ký đề xuất nhiệm vụ SNMT

- Hồ sơ theo mẫu đề cương, dự toán nhiệm vụ theo Phụ lục 3 kèm theo Công văn này.

IV. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đăng ký đề xuất xây dựng nhiệm vụ KH&CN, SNKT và SNMT kế hoạch năm 2026 kèm theo các hồ sơ liên quan theo yêu cầu tại Công văn này về Bộ Xây dựng (qua Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng) **trước ngày 30/4/2025** để tổng hợp, triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Tổng hợp danh mục các Chương trình, Kế hoạch, Chiến lược, Quyết định, Chỉ thị của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bộ Xây dựng liên quan đến ngành Xây dựng được trình bày tại Phụ lục 4 kèm theo Công văn này.

Công văn hướng dẫn được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng: <http://www.moc.gov.vn>.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHCNMT&VLXD_(N.X.Hiến).

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHCNMT&VLXD**



Lê Trung Thành



PHIẾU CÁC BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT VÀ TỔNG HỢP DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA BỘ XÂY DỰNG

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ
(Dùng cho đề tài khoa học và công nghệ)

1. Tên nhiệm vụ:
2. Căn cứ đề xuất:
3. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)*
4. Mục tiêu:
5. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
6. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
7. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
8. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
9. Danh mục tài liệu tham khảo: (Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)
10. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ
(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)

1. Tên dự án SXTN:
2. Loại hình nhiệm vụ:
 - Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có). ☐
 - Độc lập. ☐
3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ: (Giải trình căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này)
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: (Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng duy trì và nhân rộng)
5. Mục tiêu:
6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
7. Dự kiến các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:\
9. Dự kiến hiệu quả mang lại:
10. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
11. Xuất xứ hình thành: (Cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài khoa học và công nghệ; Kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả chuyển giao công nghệ)
12. Nhu cầu thị trường: (Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm)
13. Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: (Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất)
14. Danh mục tài liệu tham khảo: (Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)
15. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ
(dùng cho đề án khoa học)

1. Tên đề án:
2. Loại hình nhiệm vụ:
 - Thuộc chương trình: Ghi mã số chương trình (nếu có). ☐
 - Độc lập. ☐
3. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ:
4. Tính cấp thiết của Đề án khoa học: *(Tổng quan các nhiệm vụ liên quan đã và đang triển khai, tầm quan trọng, đóng góp mới, hiệu quả mang lại, khả năng áp dụng vào thực tế)*
5. Mục tiêu:
6. Dự kiến các nội dung chính cần thực hiện:
7. Dự kiến kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
8. Dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng các kết quả tạo ra:
9. Dự kiến hiệu quả mang lại:
10. Dự kiến kinh phí và thời gian thực hiện:
11. Danh mục tài liệu tham khảo: (Liệt kê 5-10 tài liệu liên quan)
12. Thông tin liên hệ: Tên tổ chức, cá nhân.....; Mã định danh điện tử của tổ chức/số định danh cá nhân:; Điện thoại:; Email; Địa chỉ liên hệ:

..., ngày ... tháng... năm 20....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4.*

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

[illegible]

PHỤ LỤC 2. CÁC BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT VÀ TỔNG HỢP DANH MỤC NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KINH TẾ CỦA BỘ XÂY DỰNG

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KINH TẾ CẤP BỘ

1. Tên nhiệm vụ:
2. Loại hình nhiệm vụ (*nhiệm vụ thuộc sự nghiệp kinh tế*):
3. Cơ sở pháp lý đề xuất nhiệm vụ:
4. Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ:
5. Mục tiêu của nhiệm vụ:
6. Nội dung chính:
7. Phạm vi thực hiện:
8. Dự kiến sản phẩm:
9. Dự kiến thời gian thực hiện (*thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc*)
10. Khả năng và địa chỉ ứng dụng:
11. Khái toán kinh phí:

..., ngày ... tháng... năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ
(Ký tên và đóng dấu)

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

[illegible]

PHỤ LỤC 3. CÁC BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT VÀ TỔNG HỢP DANH MỤC NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA BỘ XÂY DỰNG

ĐỀ CƯƠNG, DỰ TOÁN NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ		
3. Quản lý nhiệm vụ		
3.1. Cơ quan quản lý		
Tên cơ quan quản lý: Bộ Xây dựng Địa chỉ:		
3.2 . Cơ quan chủ trì		
Tên cơ quan: Điện thoại: Fax: Địa chỉ: Họ và tên thủ trưởng cơ quan: Số tài khoản: Ngân hàng:		
3.3. Chủ nhiệm nhiệm vụ		
Họ và tên: Học hàm/Học vị: Chức vụ: Điện thoại: Cơ quan: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail: Tên cơ quan đang công tác: Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ nhà riêng:		
3.4. Tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện		
T T	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ
1		
2		
...		
4. Thời gian thực hiện		

Từ tháng .../20...đến tháng ... /20...	
5. Kinh phí thực hiện	
Tổng kinh phí: ... triệu đồng, trong đó:	
Nguồn	Tổng số (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước	
- Từ nguồn tự có của cơ quan chủ trì	
- Từ nguồn khác	
6. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện	
6.1. Căn cứ pháp lý (nêu các văn bản pháp lý liên quan đến nhiệm vụ)	
6.2. Sự cần thiết phải thực hiện (nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong và ngoài nước: thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực thực hiện; nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của nhiệm vụ,...)	
7. Mục tiêu	
8. Phạm vi, quy mô	
9. Địa điểm thực hiện	
10. Phương pháp thực hiện	

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

11. Nội dung thực hiện (liệt kê những nội dung trọng tâm để thực hiện mục tiêu của nhiệm vụ, nêu bật những nội dung mới để giải quyết vấn đề đặt ra, thống kê chi tiết nhân lực thực hiện từng hạng mục nội dung,...)				
12. Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)				
TT	Nội dung (Phân công việc thực hiện)	Thời gian		Sản phẩm phải đạt
		Bắt đầu	Kết thúc	
1.	Lập nhiệm vụ			
2.	Nội dung trọng tâm (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)			
...	...			
...				
13. Dự kiến kết quả sản phẩm, địa chỉ bàn giao sử dụng				
TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ bàn giao sử dụng		
1				

2		
...		

CHI TIẾT NỘI DUNG THỰC HIỆN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện theo quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Ghi chú:

(1) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường có nội dung mua sắm vật tư, nguyên liệu, thiết bị để sản xuất thí điểm/ứng dụng thử nghiệm... thì phải nêu rõ các tiêu chí/ thông số/ yêu cầu kỹ thuật của vật tư, nguyên liệu, thiết bị.

(2) Đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các nguồn khác, cơ quan chủ trì phải phân khai cụ thể các hạng mục, nội dung chi và dự toán cho từng nguồn tương ứng, bảo đảm đúng quy định hiện hành về tài chính (Bộ Xây dựng chỉ phê duyệt chi tiết dự toán đối với nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ quản lý).

TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Căn cứ, cơ sở pháp lý	Sự cần thiết	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ quan, đơn vị đề xuất	Dự kiến kinh phí	Ghi chú
1										
2										
...										
	Tổng cộng									

Lưu ý: Việc dự kiến kinh phí thực hiện căn cứ theo quy định của Thông tư số 02/2017/TT-BTC, Thông tư số 31/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành có liên quan.

PHỤ LỤC 4. DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN/KẾ HOẠCH/NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH XÂY DỰNG

TT	Số hiệu văn bản	Tên Chương trình/Đề án/Dự án/Kế hoạch/Nhiệm vụ
1.	57-NQ/TW ngày 22/12/ 2024	Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
2.	71-NQ/CP ngày 01/4/2025	Nghị quyết của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
3.		Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị– và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
4.	1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009	Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050
5.	1874/QĐ-TTg ngày 11/10/2010	Định hướng phát triển chiếu sáng đến năm 2025
6.	589/QĐ-TTg ngày 6/4/2016	Điều chỉnh định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050
7.	1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050
8.	450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022	Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
9.	1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024	Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật)
10.	06/NQ-CP ngày 21/01/2021	Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị
11.	795/QĐ-TTg ngày 11/5/2016	Kế hoạch thực hiện các Phụ lục II, IV, V và VI của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra
12.	84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018	Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh (TTX) Việt Nam đến năm 2030
13.	876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022	Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải
14.	222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025	Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035
15.	882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022	Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030
16.	888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022	Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH
17.	896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022	Chiến lược Quốc gia về ứng phó với BĐKH đến năm 2050
18.	942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022	Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê–tan đến năm 2030

19.	232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025	Đề án Thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam
20.	41/CT-TTg ngày 01/12/2020	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn
21.	03/CT-TTg ngày 18/01/2021	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí
22.	1679/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2023	Kế hoạch của Bộ GTVT thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành GTVT
23.	766/QĐ-BXD ngày 24/07/2023	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.
24.	143/QĐ-BXD ngày 08/03/2023	Kế hoạch của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị
25.	891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
26.	1052/QĐ-BXD ngày 15/11/2022	Về việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.
27.	385/QĐ-BXD ngày 12/5/2022	Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công Ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26)
28.	967/QĐ-BXD ngày 24/7/2020	Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng giai đoạn 2020 - 2030
29.	390/QĐ-BXD ngày 12/5/2022	Định hướng và Kế hoạch biên soạn, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ngành Xây dựng đến năm 2030
30.	802/QĐ-BXD ngày 26/7/2017	Kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong công nghiệp sản xuất xi măng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
31.	820/QĐ-BXD ngày 19/6/2018	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030”
32.	1052/QĐ-BXD ngày 15/11/2022	Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
33.	1627/QĐ-BXD ngày 27/12/2018	Kế hoạch của Bộ Xây dựng triển khai thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030

34.	1717/QĐ-BXD ngày 28/12/2018	Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4
35.	950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018	Đề án "Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030"
36.	280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019	Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả Giai đoạn 2019-2030
37.	1004/QĐ-BXD ngày 31/7/2020	Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030
38.	1677/QĐ-BXD ngày 30/12/2020	Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030 của Bộ Xây dựng
39.	60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các thông tư hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính
40.	11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014	Nghị định của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ
41.	95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014	Nghị định của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ
42.	804/QĐ-BXD ngày 30/6/2021	Chương trình hành động của ngành Xây dựng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
43.	06-NQ/TW ngày 24/01/2022	Nghị quyết của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
44.	1463/QĐ-BXD ngày 30/12/2022	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV đối với lĩnh vực Xây dựng
45.	1009/QĐ-TTg ngày 31/8/2023	Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng
46.	11/QĐ-BXD ngày 11/01/2023	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành Xây dựng đến năm 2030
47.	143/QĐ-BXD ngày 08/03/2023	Kế hoạch của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị
48.	179/QĐ-TTg ngày 16/02/2024	Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045